TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 22/02/2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn, cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn và tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Thu Hương**
Các Thẩm phán: Bà **Đỗ Thị Nhung**
Ông **Nguyễn Trung Hưng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai*: Ông Phùng Đức Nam – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 43/2022/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn, cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn và tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 61/2022/HNGĐ-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn T**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp B, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Giang H, sinh năm 1998; Địa chỉ: Số 10, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 08/02/2023).

- *Bị đơn*: Chị **Phạm N**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 53B N, khu phố A, phường X, thành phố K, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. **Qũy tín dụng nhân dân Xuân Định, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.**

Địa chỉ: ấp B, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

2. **Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển và nông thôn Việt Nam – Chi**

nhánh huyện Xuân Lộc.

Địa chỉ: ấp B, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà **Nguyễn K**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp B, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

4. Bà **Nguyễn H**, sinh năm 1947. (Chết ngày 16/01/2022)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huyền:

1. Ông Nguyễn S, sinh năm 1966. Nơi cư trú: ấp B, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Nguyễn K, sinh năm 1964. Nơi cư trú: ấp B, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà Nguyễn B, sinh năm 1975. Nơi cư trú: ấp B, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

4. Ông Nguyễn T, sinh năm 1972. Nơi cư trú: ấp B, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Anh T, chị N, bà Kcó mặt;
Các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai,biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn T trình bày:

Anh và chị N qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai vào năm 1996. Quá trình chung sống lúc đầu bình thường, đến khoảng năm 2018 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát nhau. Lý do chính là do chị N chơi bời, đàn đúm với bạn bè. Ngoài việc đi làm công nhân ra thì chị N không phụ giúp chăm sóc gia đình, anh đã nói chuyện nhiều lần nhưng chị N không thay đổi. Hiện nay anh và chị N không còn tình cảm gì với nhau. Vì vậy anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung tên Nguyễn P, sinh ngày 08/08/2005. Anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, anh tôn trọng ý kiến của con nếu cháu P muốn ở với mẹ thì anh cũng đồng ý.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, tuy nhiên nay chị N yêu cầu Tòa án chia, ý kiến của anh như sau:

Anh và chị N có đứng tên chung trên 02 thửa đất là thửa đất số 601, tờ bản đồ số 5 (thửa mới thửa số 37 tờ bản đồ số 15) tại xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, có nhà ở trên đất và thửa đất số 59, tờ bản đồ số 7 (thửa cũ số 397, tờ bản đồ số 2) tại xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Đối với thửa đất đất số 59, tờ bản đồ số 7 (thửa cũ số 397, tờ bản đồ số 2) tại xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai và toàn bộ tài sản có trên thửa đất. Anh không đồng ý chia tài sản này vì đây là tài sản của tổ tiên, ông bà của anh để lại, mẹ anh tặng cho riêng cá nhân anh, không liên quan đến chị N.

Đối với thửa đất số 601, tờ bản đồ số 5 (thửa mới số 37 tờ bản đồ số 15) tại xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai và toàn bộ tài sản trên đất anh đồng ý chia đôi. Anh xác định thửa đất và căn nhà trên đất là tài sản chung của vợ chồng nhưng anh và chị N phải lấy giá trị từ tài sản này trả cho mẹ và chị anh tổng cộng 08 cây vàng 24K, tổng giá trị quy ra tiền là 400.000.000đ. Giá trị còn lại thì anh và chị N chia đôi.

Về nợ chung: Đối với số nợ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Xuân Lộc 50.000.000đ và Qũy tín dụng nhân dân Xuân Định 20.000.000đ anh đã thanh toán xong. Số nợ này anh tự nguyện chịu và không có yêu cầu gì.

Đối với khoản nợ 03 cây vàng 24K của chị anh là bà Nguyễn K và 05 cây vàng 24K của mẹ anh là bà Nguyễn H: Đây là nợ chung của 02 vợ chồng nên anh đề nghị lấy tiền từ giá trị từ tài sản tại thửa đất số 601, tờ bản đồ số 5 (thửa mới số 37 tờ bản đồ số 15) tại xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc để trả cho chị và mẹ anh còn lại thì anh và chị N chia đôi. Nay mẹ anh đã chết thì đối với số nợ của mẹ anh thì trả cho 04 anh chị em Anh T sẽ tự chia với nhau. Ngoài ra anh không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn chị Phạm N trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, thời điểm kết hôn, con chung. Anh Nguyễn T yêu cầu ly hôn, chị đồng ý vì vợ chồng không còn tình cảm với nhau và không thể tiếp tục chung sống. Lý do chính là do vợ chồng không có sự tin tưởng nhau, Anh T nghi ngờ chị có người tình, còn chị cũng biết Anh T có người phụ nữ khác bên ngoài. Từ sự nghi ngờ, không còn tin tưởng nhau như vậy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xô xát nhau. Nay Anh T yêu cầu ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn P, sinh ngày 08/8/2005, trong đơn yêu cầu ngày 20/10/2020, chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu Anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N rút phần yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con, chỉ yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu Anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị cho rằng cháu P đã lớn và chị có đủ khả năng nuôi cháu P mà không cần Anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có 02 thửa đất và tài sản có trên đất như Anh T khai. Chị xác định đây là tài sản chung của vợ chồng. Chị yêu cầu chia đôi, chị sẽ nhận thửa thứ nhất thửa đất số 601, tờ bản đồ số 5 (thửa mới số 37 tờ bản đồ số 15) tại xã Xuân Định Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai và toàn bộ tài sản trên thửa đất.

Anh T sẽ nhận thửa đất số 59, tở bản đồ số 7 (thửa cũ số 397, tờ bản đồ số 2)

tại xã Xuân Định Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai và toàn bộ tài sản có trên thửa đất. Đồng thời Anh T phải trả lại phần giá trị chênh lệch cho chị.

Đối với số nợ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - chi nhánh Xuân Lộc 50.000.000đ và nợ Qũy tín dụng nhân dân Xuân Định 20.000.000đ. Chị yêu cầu chia đôi số nợ này. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Anh T đã thanh toán xong và Anh T tự nguyện chịu không có yêu cầu gì, chị cũng đồng ý và không có ý kiến gì.

Đối với số nợ Anh T khai Anh T vay của chị Anh T là bà Nguyễn K và của mẹ Anh T là bà Nguyễn H chị không đồng ý chia, vì không liên quan đến chị, từ trước đến nay tôi không hề biết có số nợ này. Nếu Anh T muốn trả thì Anh T tự trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn H trình bày:

Năm 1998, bà có cho con bà là Nguyễn T vay 05 cây vàng 24K, để T mua thửa đất của ông Đinh G. Khi cho vay không làm giấy tờ gì vì là mẹ con trong nhà nên tin tưởng nhau. Bà giao vàng cho T vay, bà cũng xác định cho con số vàng này nhưng nay các con ly hôn nên bà yêu cầu Anh T phải trả lại cho bà để dưỡng già. Bà đề nghị cá nhân Nguyễn T phải trả cho bà số vàng 05 cây vàng 24K, thành tiền là 250.000.000đ. Ngày 16/01/2022 bà Huyền chết.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huyền: Ông Nguyễn S, bà Nguyễn K và bà Nguyễn B thống nhất trình bày:

Mẹ chúng tôi là bà Nguyễn H, sinh năm 1947, chết ngày 16/01/2022, không để lại di chúc. Cha chúng tôi tên Nguyễn Văn Côi, sinh năm 1944, chết năm 1982. Cha mẹ chúng tôi có tất cả 04 người con gồm: Nguyễn S, sinh năm 1966, Nguyễn K, sinh năm 1964, Nguyễn B, sinh năm 1975, Nguyễn T, sinh năm 1972. Ngoài ra, cha mẹ chúng tôi không còn người con nào khác, kể cả con riêng, con nuôi. Ông bà nội và ông bà ngoại của chúng tôi chết trước cha mẹ chúng tôi rất lâu. Nay mẹ chúng tôi đã chết, chúng tôi yêu cầu buộc cả Anh T và cô Thúy phải trả cho chúng tôi 05 (năm) cây vàng 24K, tổng giá trị là 250.000.000đ. Sau đó 04 chị em chúng tôi sẽ tự chia cho nhau. Ngoài ra chúng tôi không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn K trình bày:

Tại đơn yêu cầu độc lập đề ngày 22/3/2021, bà Kcho rằng: Năm 1998, bà có cho em bà là anh Nguyễn T vay 03 cây vàng 24K, để T mua thửa đất của ông Đinh G. Khi cho vay không làm giấy tờ gì vì là chị em trong nhà nên tin tưởng nhau. Nay T và Thúy ly hôn nên bà yêu cầu T phải trả cho bà số vàng 03 cây vàng 24K, theo giá trị hiện hành là 50.000.000đ/1 cây, thành tiền là 150.000.000đ. Đây là tài sản riêng của bà, không liên quan gì đến ai, kể cả chồng bà. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Kyêu cầu Tòa án án buộc cả Anh T và chị N phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ksố vàng này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện Quỹ tín dụng nhân dân Xuân

Định trình bày:

Ngày 12/3/2020, ông Nguyễn T có vay Quỹ tín dụng nhân dân Xuân Định số tiền 20.000.000đ, thời hạn vay 18 tháng, hạn thanh toán hết nợ vay vào ngày 12/9/2021. Qua làm việc với ông T, ông T cam kết trả hết nợ đúng hạn. Do đó, Quỹ tín dụng không yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh giải quyết số nợ này chung với vụ án ly hôn giữa Anh T và chị N. Trường hợp ông T vi phạm hợp đồng tín dụng chúng tôi sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác. Ngày 26/4/2022, Quỹ tín dụng nhân dân Xuân Định đã xác nhận ông T và bà Thúy đã hoàn tất việc trả toàn bộ số nợ bao gồm cả nợ gốc và nợ lãi theo như thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 2-0001381 ngày 11/3/2020. Hiện nay ông T và bà Thúy không có dư nợ tại Quỹ tín dụng nhân dân Xuân Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Xuân Lộc trình bày:

Ngày 01/4/2021, Ngân hàng đã làm việc với ông Nguyễn T, xác nhận thông tin khoản vay và thống nhất phương án giải quyết với số tiền vay 50.000.000đ, ngày vay 10/01/2019, dư nợ 20.000.000đ, hạn trả cuối cùng 09/01/2022, phương án trả nợ là khách hàng thu xếp trả nợ cho Ngân hàng trước hạn. Vì vậy, Ngân hàng không yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh giải quyết số nợ trên chung với vụ án ly hôn giữa ông T và bà Thúy. Khi nào cần sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Ngày 21/7/2022, Ngân hàng có Công văn số 87/NHNXL-TD xác nhận khoản vay ngày 10/01/2019, số tiền 50.000.000đ, ngày 05/11/2021 đã trả hết nợ lãi và nợ gốc.

Người làm chứng anh Đinh Vtrình bày:

Anh là con của ông Đinh G, anh được anh Nguyễn T đề nghị Tòa án triệu tập là người làm chứng trong vụ án, anh hoàn toàn không biết việc bà Nguyễn H mẹ Anh T và bà Nguyễn K chị của Anh T có cho Anh T vay vàng hay không. Vào năm 1998, cha anh là ông Đinh G có sang nhượng cho Anh T và chị N thửa đất ở ấp B, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai, với giá 08 cây vàng 24K. Khi làm giấy sang nhượng đất, cha anh có kêu anh sang viết giấy bán đất dùm. Sau khi viết xong thì cha anh ông G và Anh T ký vào bên mua và bên bán, anh và anh Nguyễn S ký vào người làm chứng, anh chỉ biết đến đây, ngoài ra không biết gì thêm.

Người làm chứng ông Đinh G trình bày:

Trước đây ông có cho vợ chồng Nguyễn T và Phạm N ở nhờ trên đất của ông, đến năm 1998, ông có sang nhượng cho vợ chồng anh Nguyễn T và chị Phạm N một thửa đất, hiện nay Anh T, chị N đã làm nhà và đang sinh sống trên đất. Ông sang nhượng với giá 08 cây vàng 24K. Khi sang nhượng con trai ông là Đinh Vlà người viết giấy sang nhượng đất, sau đó ông và Anh T cùng ký vào bên bán, bên

mua và có anh Nguyễn S là anh của Anh T và con trai ông là Đinh Vký vào là người làm chứng. Sau đó Anh T giao cho ông 05 cây vàng 24K, còn 03 cây thì vợ chồng T và Thúy trả dần mấy năm sau cho đến khi hết nợ. Việc bà Huyền mẹ Anh T và bà Kchị của Anh T có cho Anh T vay vàng để mua đất của ông hay không thì ông hoàn toàn không biết chuyện này.Vì tuổi đã cao đi lại khó khăn ông đề nghị xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người làm chứng bà Nguyễn Mtrình bày:

Bà Nguyễn H là cô ruột của bà, Nguyễn K và Nguyễn T là con của bà Huyền là em họ của bà. Năm 1998, Nguyễn K có gọi bà lên nhà để làm chứng cho việc K có cho T mượn 03 cây vàng 24K, bà thấy K đưa trực tiếp cho T 03 cây vàng, việc giao vàng không làm giấy tờ gì. Còn việc T có dùng số vàng này vào việc mua đất nhà ông G hay không thì bà không biết vì bà không chứng kiến việc mua bán đất. Bà chỉ nghe K nói K thấy T khổ nên muốn giúp T cho T vay vàng mua đất nhà ông G. Ngoài ra bà không biết gì thêm.

Người làm chứng anh Nguyễn S (anh Trai của anh Nguyễn T) trình bày:

Năm 1998 anh có chở mẹ anh là Nguyễn H xuống nhà ông Đinh G và đưa cho em trai anh là Nguyễn T mượn 05 cây vàng 24K để mua đất của ông Đinh G.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 61/2022/HNGĐ-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh:

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn T, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với chị Phạm N.

Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Phạm N, về việc: "Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung" đối với anh Nguyễn T.

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn H, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với anh Nguyễn T.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn K, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với anh Nguyễn T và chị Phạm N.

Đình chỉ một phần yêu cầu của chị Phạm N đối với anh Nguyễn T, về việc cấp dưỡng nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn T được ly hôn với chị Phạm N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn P, sinh ngày 08/08/2005 cho chị Phạm N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm N không yêu cầu nên tạm thời anh Nguyễn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn T được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con thì Anh T, chị N được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về chia tài sản chung:

- Chia cho chị Phạm N được quyền sử dụng thửa đất có diện tích 212,7m^2 và sở hữu toàn bộ tài sản có trên đất tại thửa đất số 37 tờ bản đồ số 15 (thửa cũ số 601, bản đồ số 05) tại xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 521095, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02/10/2015. Trên thửa đất có 01 nhà cấp 4 diện tích 85m^2, mái hiên trước nhà có diện tích 44m^2, 01 chuồng heo có diện tích 60,88m^2, 01 giếng đào, 1 cây dừa, 01 cây mãng cầu. (Toàn bộ tài sản được thể hiện chi tiết, cụ thể tại Bản đồ hiện trạng thửa đất số 5054/2021 ngày 10/01/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Xuân Lộc và tại Chứng thư thẩm định giá số 159/TĐG-CT ngày 22/6/2022 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến).

- Chia cho anh Nguyễn T được toàn quyền sử dụng thửa đất có diện tích 4193,4m^2 và sở hữu toàn bộ tài sản có trên đất tại thửa đất số 59, tở bản đồ số 7 (thửa cũ số 397, bản đồ số 02) tại xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, Giấy chứng nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 300896, do UBND huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20/6/2014. Trên thửa đất có 01 nhà tạm diện tích 26m^2, 01 giếng khoan, các loại cây trồng gồm mít, măng cụt, chôm chôm, chuối. (Toàn bộ tài sản được thể hiện chi tiết, cụ thể tại Bản đồ hiện trạng thửa đất số 5054/2021 ngày 10/01/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Xuân Lộc và tại Chứng thư thẩm định giá số 159/TĐG-CT ngày 22/6/2022 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến).

- Anh Nguyễn T có nghĩa vụ thanh toán cho chị Phạm N phần giá trị tài sản chênh lệch với số tiền là **291.225.100đ** (Hai trăm chín mươi mốt triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm đồng)**.**

- Anh Nguyễn T và chị Phạm N có nghĩa vụ tự liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai sự thay đổi quyền sử dụng, quyền sở hữu đối với tài sản được chia.

- Anh Nguyễn T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn K 03 cây vàng 9999, quy ra tiền là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

- Anh Nguyễn T có nghĩa vụ thanh toán cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn H, gồm bà Nguyễn K, ông Nguyễn S, bà Nguyễn Thị Thu Hằng và ông Nguyễn T 05 cây vàng 9999, quy ra tiền là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, việc thi hành bản án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 28/09/2022, nguyên đơn anh Nguyễn T có đơn kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 61/2022/HNGĐ-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân

thành phố Long Khánh yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm giải quyết: Anh Nguyễn T yêu cầu được nhận toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên thửa đất số 59, tờ bản đồ số 7, xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai; Đối với quyền sử dụng đất và tài sản trên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 15 tại xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, Anh T yêu cầu được nhận 70% giá trị tài sản; Đối với số nợ tổng cộng 08 cây vàng 9999 mà anh vay của bà Nguyễn H (05 cây) và bà Nguyễn K (03 cây) Anh T yêu cầu chia đôi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Anh T thay đổi yêu cầu kháng cáo. Anh đề nghị chia quyền sử dụng thửa đất là thửa 601 tờ bản đồ 02 có diện tích 212,7m^2 và thửa đất số 59, tờ bản đồ số 7 có diện tích 4193,4m^2 theo tỷ lệ 7/3 (Anh T 7 phần, chị N 3 phần) vì anh cho rằng anh có nhiều công sức đóng góp hơn và là tài sản có nguồn gốc từ mẹ anh cho tặng, anh có phần nhiều hơn. Ngoài ra, Anh T rút phần kháng cáo đối với khoản nợ 8 cây vàng.

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:***

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Đối với quyền sử dụng thửa đất có diện tích 212,7m^2 và tài sản có trên đất tại thửa đất số 37 tờ bản đồ số 15 (thửa cũ số 601, bản đồ số 05) tại xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Tòa án sơ thẩm chia đôi cho mỗi người được hưởng và giao cho chị N quản lý sử dụng. Anh T cho rằng anh có nhiều công sức đóng góp hơn, vì anh là người mua đất, trả nợ tiền mua đất, xây nhà. Tuy nhiên, xét phần đất và nhà trên đất này là tài sản chung của vợ chồng cùng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, các bên cùng đóng góp, xây dựng gia đình, chị N còn phải chăm sóc con cái nên Tòa án sơ thẩm chia mỗi người hưởng ½ giá trị tài sản là phù hợp. Kháng cáo của Anh T xem xét lại đối với phần diện tích 212,7m^2 là không có cơ sở chấp nhận. Đối với quyền sử dụng thửa đất có diện tích 4193,4m^2 và tài sản có trên đất tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 7 (thửa cũ số 397, bản đồ số 02) được Tòa án sơ thẩm chia theo tỷ lệ 6/4 (Anh T 6, chị N 4) giao cho Anh T quản lý sử dụng thửa đất trên. Theo kháng cáo, Anh T cho rằng thửa đất này có nguồn gốc của mẹ anh, sau đó cho tặng anh và chị N. Thực tế phần đất này của gia đình Anh T sử dụng để canh tác từ trước đến nay, có từ trước khi chị N về chung sống với gia đình Anh T. Tòa cấp sơ thẩm chia cho chị N được quyền sở hữu phần đất và tài sản trên đất này với tỷ lệ 40% là chưa phù hợp với công sức đóng góp tạo lập nên tài sản chung. Do đó, kháng cáo của Anh T đề nghị chia lại phần đất trên theo tỷ lệ sở hữu là 7/3 (Anh T hưởng 70%, chị N được hưởng 30%) là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, đề nghị Chấp nhận 1 phần kháng cáo của anh Nguyễn T, sửa một phần bản án hôn nhân gia đình

sơ thẩm số 61/2022/HNGĐ – ST, ngày 15/9/2022 của TAND huyện Xuân Lộc theo hướng chia quyền sử dụng thửa đất có diện tích 4193,4m^2 và sở hữu toàn bộ tài sản có trên đất tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 7 (thửa cũ số 397, bản đồ số 02) cho Anh T được hưởng 7 phần, chị N được hưởng 3 phần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn T làm đơn kháng cáo trong thời hạn và đóng tạm ứng án phí theo quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo anh Nguyễn T:

[2.1] Đối với kháng cáo về tài sản chung gồm:

+ Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 7 xã Xuân Định (thửa cũ 397, tờ bản đồ số 02). Theo chứng thư thẩm định giá số 159/TĐG-CT ngày 22/6/2022 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến thửa đất và toàn bộ tài sản trên đất có giá trị là 4.310.400.000đ. Nguồn gốc thửa đất là của bà Nguyễn H (mẹ của Anh T) đến ngày 09/6/2010 bà Huyền làm thủ tục tặng cho thửa đất trên cho anh Nguyễn T và chị Phạm N. Ngày 24/9/2010 anh Nguyễn T và chị Phạm N được UBND huyện Xuân Lộc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và ngày 20/6/2014 được UBND huyện Xuân Lộc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thành thửa đất số 59, tờ bản đồ số 7. Anh T cho rằng đây là tài sản của tổ tiên, ông bà để lại và mẹ Anh T đã tặng cho riêng Anh T nên Anh T không đồng ý chia đôi tài sản trên theo yêu cầu của chị N. Xét thấy, Anh T chị N kết hôn ngày 06/01/1996. Ngày 09/6/2010 bà Nguyễn H làm Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đối với thửa đất trên cho Anh T, chị N có xác nhận của UBND xã Xuân Định. Vì vậy, xác định thửa đất số 59, tờ bản đồ số 7 xã Xuân Định và toàn bộ tài sản có trên thửa đất là tài sản chung của Anh T và chị N trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, xét về công sức đóng góp của vợ chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển tài sản thì nguồn gốc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 7 là của bà Nguyễn H (mẹ của Anh T) sau đó bà Huyền tặng cho lại Anh T và chị N, thực tế phần đất này của gia đình Anh T sử dụng để canh tác từ trước đến nay, có từ trước khi chị N về chung sống với gia đình Anh T. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chia cho Anh T được hưởng phần nhiều hơn chị N là phù hợp. Tuy nhiên, chia cho Anh T được hưởng 60% giá trị thửa đất và tài sản có trên đất; chia cho chị N được hưởng 40% giá trị thửa đất và tài sản có trên đất là chưa đảm bảo quyền lợi, công sức đóng góp, nguồn gốc hình thành khối tài sản cho Anh T. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia cho Anh T được hưởng 70% giá trị thửa đất và tài sản có trên đất; chia cho chị N được

hưởng 30% giá trị thửa đất và tài sản có trên đất cụ thể Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 7 xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc và toàn bộ tài sản trên đất có giá trị là 4.310.400.000đ. Chia cho chị N được hưởng 30% giá trị tương đương là 1.293.120.000đ; Anh T được hưởng 70% giá trị tương đương là 3.017.280.000đ.

+ Đối với quyền sử dụng đất và tài sản trên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 15 (thửa cũ 601, tờ bản đồ số 15) tại xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Tại phiên tòa phúc thẩm Anh T yêu cầu được nhận 70% giá trị đối với thửa đất trên. Xét thấy, Anh T và chị N đều xác định đây là tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân do nhận chuyển nhượng của ông Đinh G ngày 11/10/2008 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp đổi giấy chứng nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Anh T và chị N, thành thửa đất số 37, tờ bản đồ số 15, diện tích 212,7m^2 xã Xuân Định ngày 02/10/2015. Do đây là tài sản chung, các bên cùng đóng góp công sức nên Tòa án cấp sơ thẩm chia đôi tài sản trên cho Anh T, chị N là có căn cứ chấp nhận. Tổng giá trị tài sản và công trình trên đất có giá trị là 2.865.869.800đ. Anh T, chị N mỗi người được ½ tương đương với số tiền mỗi người được nhận là 1.432.934.900đ.

Như vậy tổng giá trị tài sản Anh T được nhận là 4.450.214.900đ; Tổng giá trị tài sản chị N được nhận là 2.726.054.900đ.

Do phần tài sản của Anh T được nhận bằng hiện vật là diện tích đất và tài sản tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 7 (giá trị là 4.310.400.000đ) ít hơn giá trị tài sản Anh T được nhận bằng tiền (4.450.214.900đ). Do đó, chị N phải thanh toán cho Anh T phần giá trị tài sản chênh lệch là: 4.450.214.900đ - 4.310.400.000đ = 139.814.900đ.

[2.2] Đối với kháng cáo yêu cầu chia đôi số nợ tổng cộng 08 cây vàng 9999 mà anh vay của bà Nguyễn H (05 cây) và bà Nguyễn K (03 cây). Tại phiên tòa phúc thẩm Anh T rút kháng cáo đối với yêu cầu trên nên đình chỉ phúc thẩm đối với yêu cầu chia đôi số nợ tổng cộng 08 cây vàng 9999 mà anh vay của bà Nguyễn H (05 cây) và bà Nguyễn K (03 cây).

Từ những nhận định trên chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn T về chia tài sản chung đối với thửa đất số 59, tở bản đồ số 7 xã Xuân Định (thửa cũ 397, tờ bản đồ số 02)

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm và 112.450.215đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần tài sản mà anh Nguyễn T được chia.

Chị Phạm N phải chịu 86.521.098đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần tài sản mà chị Phạm N được chia.

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn T, sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 61/2022/HNGĐ-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 3 Điều 157; khoản 2, 6 Điều 165; Điều 235; Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 5, 6, 14, 15, 40, 42, 44, 45 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ Điều 56, 59, 81, 82, 83, 84 và khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 219, 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 213, khoản 2 Điều 357 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 201

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn T, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với chị Phạm N.

Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Phạm N, về việc: "Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung" đối với anh Nguyễn T.

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn H, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với anh Nguyễn T.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn K, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với anh Nguyễn T.

Đình chỉ một phần yêu cầu của chị Phạm N đối với anh Nguyễn T, về việc cấp dưỡng nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn T được ly hôn với chị Phạm N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn P, sinh ngày 08/08/2005 cho chị Phạm N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Nguyễn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn T được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con thì Anh T, chị N được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung:

- Chia cho chị Phạm N được quyền sử dụng thửa đất có diện tích 212,7m^2 và sở hữu toàn bộ tài sản có trên đất tại thửa đất số 37 tờ bản đồ số 15 (thửa cũ số 601, bản đồ số 05) tại xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, Giấy chứng nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 521095, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02/10/2015. Trên thửa đất có 01 nhà cấp 4 diện tích 85m^2, mái hiên trước nhà có diện tích 44m^2, 01 chuồng heo có diện tích 60,88m^2, 01 giếng đào, 1 cây dừa, 01 cây mãng cầu. (Toàn bộ tài sản được thể hiện chi tiết, cụ thể tại Bản đồ hiện trạng thửa đất số 5054/2021 ngày 10/01/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Xuân Lộc và tại Chứng thư thẩm định giá số 159/TĐG-CT ngày 22/6/2022 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến).

- Chia cho anh Nguyễn T được toàn quyền sử dụng thửa đất có diện tích 4193,4m^2 và sở hữu toàn bộ tài sản có trên đất tại thửa đất số 59, tở bản đồ số 7 (thửa cũ số 397, bản đồ số 02) tại xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 300896, do UBND huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20/6/2014. Trên thửa đất có 01 nhà tạm diện tích 26m^2, 01 giếng khoan, các loại cây trồng gồm mít, măng cụt, chôm chôm, chuối. (Toàn bộ tài sản được thể hiện chi tiết, cụ thể tại Bản đồ hiện trạng thửa đất số 5054/2021 ngày 10/01/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Xuân Lộc và tại Chứng thư thẩm định giá số 159/TĐG-CT ngày 22/6/2022 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến).

Chị Phạm N có nghĩa vụ thanh toán cho anh Nguyễn T phần giá trị tài sản chênh lệch với số tiền là 139.814.900đ (Một trăm ba mươi chín triệu tám trăm mười bốn nghìn chín trăm đồng)**.**

Anh Nguyễn T và chị Phạm N có nghĩa vụ tự liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai sự thay đổi quyền sử dụng, quyền sở hữu đối với tài sản được chia.

5. Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn T có nghĩa vụ trả lại chi phí tố tụng cho chị Phạm N số tiền là 32.500.000đ (Ba mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

6. Về nợ:

- Anh Nguyễn T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn K 03 cây vàng 9999, quy ra tiền là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

- Anh Nguyễn T có nghĩa vụ thanh toán cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn H, gồm bà Nguyễn K, ông Nguyễn S, bà Nguyễn Thị Thu Hằng và ông Nguyễn T 05 cây vàng 9999, quy ra tiền là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm

khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

8. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 112.450.215đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần tài sản mà anh Nguyễn T được chia và 20.000.000đ án phí dân sự về tranh chấp vay tài sản. Tổng cộng anh Nguyễn T phải chịu 132.750.215đ án phí; được khấu trừ số tiền 300.000đ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006388 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh. Anh Nguyễn T còn phải nộp số tiền án phí sơ thẩm là 132.450.215đ.

Chị Phạm N phải chịu 86.521.098đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần tài sản mà chị Phạm N được chia, được khấu trừ số tiền 9.000.000đ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00008078 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh. Chị Phạm N còn phải nộp số tiền án phí là 77.521.098đ.

Trả lại cho bà Nguyễn K số tiền tạm ứng án phí là 3.750.000đ bà Kđã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 008476 ngày 04/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn T không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho Anh T 300.000đ tạm ứng án phí Anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005937 ngày 05/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND Tp.Long Khánh;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS Tp.Long Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Thị Thu Hương